

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HC-ST
Ngày: 09-9-2022
V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về việc cấp giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Dũng;
2. Ông Võ Đức Thành.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên
tòa:** Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 30/2022/TLST-HC ngày
30/5/2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc cấp giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
27/2022/QĐXXST-HC ngày 08/8/2022, giữa:

- *Người khởi kiện:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số n, tổ t, khu
phố y, phường t, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng
mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương. Người đại
diện hợp pháp: Bà L – chức vụ: Phó chủ tịch (theo Văn bản ủy quyền số
1250/UBND-NC ngày 18/4/2022). Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương; Người đại diện hợp pháp:
Ông T – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B (theo Công
văn số 2988/VPĐKĐĐ-TCHC ngày 19/8/2022). Vắng mặt và có đề nghị xét xử
vắng mặt.

+ Bà L, sinh năm 1957; địa chỉ: Số nhà T, tổ E, khu phố U, phường C, thị
xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà B, sinh năm 1952; địa chỉ: Số nhà M khu phố Y tổ Y đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 17/5/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Đỗ Văn H trình bày:*

Về nguồn gốc đất: ngày 15/12/2005 bà L có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại thửa số 308, tờ bản đồ số 07 tại xã C, huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương; nguồn gốc đất do khai phá năm 1985. Ngày 22/3/2006, bà L được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B cấp GCNQSDĐ số H 01489, thửa số 308, tờ bản đồ 07 diện tích 6.058m², tọa lạc tại xã C, huyện B. Ngày 28/7/2014 bà L lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn H đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên. Ngày 11/9/2014, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Dương (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B) chỉnh lý đăng ký biến động tại trang 4 GCNQSDĐ số H01489 với nội dung: “*Đổi tên địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương thành phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Chuyển nhượng toàn bộ QSDĐ cho ông Đỗ Văn H, sinh năm 1968, CMND số 280442717, địa chỉ: Phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, diện tích 6.058m² (CLN), thửa 308, tờ BD 07 theo hồ sơ số 25837.041901.CN.CVP*”.

Về hiện trạng thửa đất: Ngày 15/02/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B phối hợp cùng UBND phường C tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của bà B và ông Đỗ Văn H. Kết quả như sau: Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 7, phường C do bà B đang quản lý sử dụng, có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa số 316 (ông Nguyễn Văn TR), phía tây giáp đường bê tông, phía nam giáp thửa 319 (B), phía bắc giáp đường C – Vĩnh Tân. Hiện trạng: Trên đất trồng cao su từ năm 1994. Thửa đất có trụ bê tông, xác định ranh mốc rõ ràng, đất sử dụng ổn định không tranh chấp.

Qua kiểm tra hiện trạng, đo đạc xác định vị trí phân diện tích đất ông Đỗ Văn H đang quản lý sử dụng thuộc thửa số 293, tờ bản đồ 07, phường C, có vị trí tứ cận như sau: Phía đông giáp thửa 34, phía tây giáp thửa 1639, 290; phía nam giáp thửa 1452, 1453, 1307, 1579, 1526, 1525; phía bắc giáp thửa số 290. Hiện trạng trên đất trồng cao su khi nhận chuyển nhượng từ bà L năm 2014 đã có. Thửa đất có trụ bê tông xác định ranh giới rõ ràng, đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Qua kiểm tra đo đạc nhận thấy thửa đất số 308, tờ bản đồ 07 tại phường C hiện do bà B đang quản lý sử dụng và đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số 007749 ngày 03/02/2004; việc cấp GCNQSDĐ cho ông Đỗ Văn H tại thửa đất số 308, tờ bản đồ 07 phường C là không đúng với đối tượng sử dụng đất, đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà L.

Do đó, ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

giải quyết hủy GCNQSDĐ số H 01489 do UBND huyện B cấp ngày 22/3/2006 cho bà L và nội dung Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn H ngày 11/9/2014 để ông H được xin cấp lại GCNQSDĐ đúng với thửa số 293, tờ bản đồ 07, đúng với thực tế ông H đang quản lý sử dụng.

** Tại Bản giải trình số 2208/UBND-NC ngày 23/6/2022, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thị xã B trình bày:*

Ngày 15/12/2002, bà L có đơn xin cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã C, nguồn gốc đất khai phá năm 1985.

Ngày 22/3/2006, bà L được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số H 01489, thửa số 308, tờ bản đồ 07 diện tích $6.058m^2$, tọa lạc tại xã C, huyện B.

Ngày 28/7/2014, bà L lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn H đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên. Ngày 11/9/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B) chỉnh lý đăng ký biến động tại trang 4 GCNQSDĐ số H01489 với nội dung: “*Đổi tên địa chỉ thửa đất: Xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương thành phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Chuyển nhượng toàn bộ QSDĐ cho ông Đỗ Văn H, sinh năm 1968, CMND số 280442717, địa chỉ: Phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, diện tích $6.058m^2$ (CLN), thửa 308, tờ BĐ 07 theo hồ sơ số 25837.041901.CN.CVP*”.

Qua kết quả kiểm tra hiện trạng ngày 15/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B và UBND phường C cho thấy:

Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại phường C hiện do bà B đang quản lý sử dụng và được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số 00749 ngày 03/02/2004, hiện trạng trên đất trồng cao su từ năm 1994, thửa đất có trụ bê tông, xác định ranh mốc rõ ràng, đất sử dụng ổn định không tranh chấp; có vị trí tứ cận: Phía đông giáp thửa 316 (ông TR), phía tây giáp đường bê tông, phía nam giáp thửa 319 (ông B), phía bắc giáp đường C – Vĩnh Tân.

Qua kiểm tra hiện trạng, đo đạc xác định vị trí phần diện tích đất ông Đỗ Văn H đang quản lý sử dụng thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 07, phường C; hiện trạng trên đất đang trồng cao su khi nhận chuyển nhượng từ bà L năm 2014 đã có, thửa đất có trụ bê tông xác định ranh giới rõ ràng, đất sử dụng ổn định, không tranh chấp. Có vị trí tứ cận: Phía đông giáp thửa 34, phía tây giáp thửa 1639, 290; phía nam giáp thửa 1452, 1453, 1307, 1579, 1526, 1525; phía bắc giáp thửa số 290. Đồng thời, ông H xác định thửa đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà L, không tiếp giáp đường và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp lại cho đúng với hiện trạng thực tế quản lý sử dụng.

Từ những cơ sở nêu trên nhận thấy: Việc UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số H01489 ngày 22/3/2006 cho bà L là không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, việc ông Đỗ Văn H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số H01489 ngày 22/3/2006 cấp cho bà L là có cơ sở.

Tuy nhiên, GCNQSDĐ nêu trên bà L đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn H và được Văn phòng Đăng ký đất đai chính lý đăng ký biến động ngày 11/9/2014 tại trang 4 với nội dung: “*chuyển nhượng toàn bộ QSDĐ cho ông Đỗ Văn H, sinh năm 1968, CMND số 280442717, địa chỉ: Phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, diện tích 6.058m² (CLN), thửa 308, tờ BD 07 theo hồ sơ số 25837.041901.CN.CVP*”. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ thì việc xử lý GCNQSDĐ số H01489 nêu trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. UBND thị xã B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H theo quy định của pháp luật.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L trình bày:* Bà L có sử dụng phần đất diện tích 6.058m² tại phường C và được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số H01489 ngày 22/3/2006, thửa đất được cấp là 308, tờ bản đồ 07. Năm 2014, bà L chuyển nhượng toàn bộ phần đất cho ông H. Việc sử dụng đất của bà L cũng như khi đã chuyển nhượng cho ông H từ trước đến nay đều được trồng cao su ổn định, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp gì với ai. Nay, bà L mới biết thửa đất của bà bị cấp trùng với thửa đất số 308 tờ bản đồ số 7 của bà B. Thực tế, thửa đất của bà L không giáp đường đi và theo UBND thị xã B thì đó là thửa 293, tờ bản đồ số 07 tại phường C. Do đó, bà L nhận thấy việc ông H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số H01489 ngày 22/3/2006 để được cấp lại GCNQSDĐ cho đúng với thực tế số thửa, hiện trạng đang quản lý sử dụng là phù hợp. Việc bà L chuyển nhượng đất cho ông H năm 2014 đã hoàn thành, không tranh chấp gì với nhau, các cơ quan nhà nước hướng dẫn thế nào thì bà L sẽ thực hiện để ông H được cấp lại GCNQSDĐ cho đúng, đề nghị các cơ quan tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các thủ tục hành chính. Bà L không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, xét xử vắng mặt bà L trong suốt quá trình tố tụng.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B trình bày:* Bà B được cha mẹ cho đất và được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số 00749 ngày 03/02/2004 tại thửa 308 tờ bản đồ số 7, diện tích 6.058m² tại phường C (nay đã được cấp đổi GCNQSDĐ số CS19360 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà B ngày 19/4/2022). Đất của bà B có nguồn gốc rõ ràng, sử dụng trồng cao su từ thời cha mẹ bà B còn canh tác đến nay, không tranh chấp gì với ai, có mốc giới cụ thể. Nay, bà B mới biết sổ của bà L (do ông H đang sử dụng) bị cấp trùng thửa 308 với mình. Trước yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số H01489 ngày 22/3/2006 của bà L do cấp trùng thửa 308 tờ bản đồ số 07 với thửa đất của bà B thì bà B đồng ý. Quyền lợi của bà B cũng không bị ảnh hưởng gì. Đề nghị Tòa án xem xét hủy GCNQSDĐ của bà L để cấp lại cho bà L hoặc ông H cho đúng với thực tế phần đất ông H đang quản lý sử dụng, để không trùng với số thửa đất của bà B. Bà B không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà B trong suốt quá trình tố tụng.

** Tại Văn bản số 1972/CNBC-TTHC ngày 07/9/2022 của Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B – đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương có ý kiến:* Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B đã rà soát và có ý kiến đối với GCNQSDĐ của ông Đỗ Văn H tại Công văn số 495/CNBC-ĐĐKTĐĐ ngày 17/3/2022 về việc trả lời, hướng dẫn đơn của ông Đỗ Văn H đề nghị thu hồi, cấp lại giấy chứng nhận do cấp không đúng đối tượng sử dụng đất. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, thì việc xử lý GCNQSDĐ số H01489 nêu trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Văn phòng Đăng ký đất đai đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt và trước đó đã có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Viện Kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng. Về nội dung: Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ do UBND huyện B đã cấp cho bà L (cập nhật biến động cho ông ngày 11/9/2014) là còn trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Ông H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số H 01489 do UBND huyện B đã cấp cho bà L ngày 22/3/2006, cập nhật biến động cho ông Đỗ Văn H ngày 11/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý là đúng quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án do Tòa án thu thập được; lời trình bày của các đương sự, có cơ sở để xác định thửa đất ông H đang quản lý sử dụng là thửa đất số 293, tờ bản đồ số 07 là phù hợp sự thừa nhận của UBND thị xã B.

Căn cứ khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai quy định: GCNQSDĐ đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp GCNQSDĐ đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai; căn cứ khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ thì việc xử lý GCNQSDĐ của bà L được cập nhật biến động cho ông H nêu trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của của ông Đỗ Văn H và tuyên hủy GCNQSDĐ số H 01489 do UBND huyện (nay là thị xã) B đã cấp cho bà L ngày 22/3/2006, cập nhật biến động cho ông Đỗ Văn H ngày 11/9/2014. UBND thị xã B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Ông Đỗ Văn H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ là quyết định hành chính cá biệt thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2]. Về thời hiệu: Bà L được cấp GCNQSDĐ năm 2006; năm 2014 bà L chuyển nhượng lại cho ông Đỗ Văn H. Các đương sự đều không biết GCNQSDĐ của bà L bị cấp trùng thửa 308 tờ bản đồ số 7 với bà B; các đương sự đều sử dụng phần đất của mình ổn định, không có tranh chấp gì với ai. Theo Công văn số 495/CNBC-ĐĐKTĐĐ ngày 17/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B xác định được thửa đất ông H thực tế đang quản lý sử dụng là thửa 293, tờ bản đồ 07 tại phường C. Ngày 30/3/2022, ông H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số H 01489 do UBND huyện B cấp ngày 22/3/2006 cho bà L để ông H được cấp GCNQSDĐ đúng với thửa đất mình đang quản lý sử dụng là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3]. Về sự có mặt của các đương sự: Các đương sự đều vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Xét các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được người bị kiện là UBND thị xã B thừa nhận tại Bản giải trình số 2208/UBND-NC ngày 23/6/2022 (bút lục 107-108), thì đã có cơ sở xác định UBND thị xã B đã cấp hai GCNQSDĐ cho hai người khác nhau đối với cùng một thửa đất số 308, tờ bản đồ số 07 tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Cụ thể như sau:

- GCNQSDĐ số H 01489 ngày 22/3/2006 cấp cho bà L 6.058m² đất thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 07 tại phường C, thị xã B. Năm 2014, bà L chuyển nhượng lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn H. Ngày 11/9/2014 Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận biến động chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 6.058m² cho ông Đỗ Văn H.

- GCNQSDĐ số 00749 ngày 03/02/2004 cấp cho bà B 6.058m² đất thuộc thửa 308, tờ bản đồ số 07 phường C. Sau đó, vào ngày 19/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp đổi giấy chứng nhận với GCNQSDĐ mới số CS19360 cho bà B diện tích 5.952,6m² thửa 308, tờ bản đồ số 07 phường C.

[3] Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các bên là rõ ràng, hợp pháp và không có tranh chấp với nhau. Tuy nhiên, qua kiểm tra về chuyên môn, cơ quan quản lý đất đai phát hiện rằng đã cấp GCNQSDĐ cho bà L và sau này cấp nhật cho ông H sai số thửa đất so với trên thực địa. Qua kiểm tra đo đạc thực tế, cơ quan chuyên môn đã xác định thửa đất đã cấp cho bà L trước đây và hiện

ông H đang quản lý sử dụng thửa 293, tờ bản đồ 07 tại phường C, hiện trạng trồng cao su, sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, thực tế không giáp đường (khác với sơ đồ bản vẽ thể hiện trên GCNQSDĐ). Vấn đề này đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã B thừa nhận tại Công văn số 495/CNBC-ĐĐKTBD ngày 17/3/2022, trong đó có hướng dẫn ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy GCNQSDĐ. Tại Bản giải trình số 2208/UBND-NC ngày 23/6/2022, UBND thị xã B cũng thừa nhận đã cấp trùng thửa số 308 cho bà L (sau này cập nhật cho ông H) và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

[4] Từ những phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H; chấp nhận ý kiến của người bị kiện và ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu ra. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H được Tòa án chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí. UBND thị xã B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 130, các Điều 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và khoản 1 Điều 31, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H đối với Ủy ban nhân dân thị xã B về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01489 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 22/3/2006 cho bà L, diện tích 6.058m², thửa số 308, tờ bản đồ 07 tọa lạc tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương và nội dung cập nhật biên động chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn H do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện ngày 11/9/2014.

Buộc Ủy ban nhân dân thị xã B, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn lại cho ông Đỗ Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0000157 ngày 27/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

- Ủy ban nhân dân thị xã B phải nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HC, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Công Lực